TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2019.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.
Các hội thẩm nhân dân:
1- Ông: Trần Trung Dũng.
2- Bà: Vũ Thị Liên.
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.
Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Á - Sinh năm 1984. Có mặt
HKTT: Thôn Đ - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.
Nơi ở hiện nay: Thôn T - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Anh Lê Khắc D (tên gọi khác Lê Văn D) - Sinh năm 1976. Vắng mặt.
HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
+ Cháu Lê Khắc H - Sinh ngày 06/9/2003;
+ Cháu Lê Hoàng T - Sinh ngày 23/4/2007.
Đều HKTT: Thôn Đ - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.
Nơi ở hiện nay: Thôn T - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

* Những người đại diện theo pháp luật cho cháu H và cháu T: Chị Hoàng Thị Á và anh Lê Khắc D.

*** Người làm chứng:** Ông Lê Khắc K - Sinh năm 1953 (bố đẻ anh D).
Trú tại: Thôn Đ - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị Á trình bày*:**

Chị và anh Lê Khắc D, sinh năm 1976 (tên gọi khác Lê Văn D) trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên là hai người khác địa phương kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2002. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục

tập quán của địa phương chị về ngay gia đình anh D làm ăn chung sống. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 02/2011 thì vợ chồng bàn bạc và thống nhất để anh D đi xuất khẩu lao động tại Israrel. Trong thời gian anh D đi lao động tại Israrel, những năm đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc thăm hỏi, động viên nhau, năm thứ năm thì anh D nghe bạn bè của anh D nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị dạn nứt và phai nhạt dần và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 11/2015 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tháng 02/2016 anh D về nước. Trong thời gian chị đi lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng vẫn mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D ghen tuông và nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù chị cũng đã lý giải với anh D nhưng anh D không nghe. Bên cạnh đó thì anh D cũng thường xuyên chơi bời cờ bạc không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên và khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 6/2017 chị về nước nghỉ phép để giải quyết vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng nhưng không được nên đến tháng 7/2017 chị lại tiếp tục sang Nhật Bản lao động. Đến tháng 10/2018 hết hợp đồng lao động chị về nước, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng không về chung sống đoàn tụ với nhau mà vẫn sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tồn tại được với nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau quá lâu. Chị kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị sớm được ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H đến tuổi thành niên, anh D được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị và anh D sẽ tự thoả thuận giải quyết với nhau, chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Theo lời khai của bị đơn anh Lê Khắc D trình bày*:**

Anh xác định lời khai của chị Á về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng mâu thuẫn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị Á khai là đúng. Nhưng theo anh mâu thuẫn vợ chồng chỉ là do hiểu nhầm nhau do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy các con chung. Trường hợp chị Á kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Quá trình chung sống anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị Á. Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T đến tuổi thành niên, chị Á được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Anh và chị Á sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh nhất trí tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lê Khắc H và cháu Lê Hoàng T trình bày:*** Việc bố mẹ các cháu có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động giải quyết việc ly hôn các cháu có biết. Nguyên nhân dẫn đến việc bố, mẹ các cháu mâu thuẫn là do chung sống không có hạnh phúc, mỗi người đi làm một nơi, thời gian ở cùng nhau không nhiều, cứ về ở cùng nhau lại xảy ra chuyện đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn này đã nảy sinh và tồn tại từ lâu. Nguyện vọng của các cháu mong muốn Tòa án hoà giải để bố, mẹ các cháu được về chung sống đoàn tụ tập chung nuôi dạy các cháu được trưởng thành. Trong trường hợp bố, mẹ các cháu mà không về chung sống đoàn tụ được thì nguyện vọng của cháu H xin được ở cùng với mẹ, còn nguyện vọng của cháu T xin được ở cùng với bố.

Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Á và anh D để mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị Á vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn kiên quyết xin ly hôn, còn anh D đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con chung, nhưng anh không đưa ra được phương pháp hay biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con chung được trưởng thành. Theo đề nghị của anh D Tòa án tiếp tục triệu tập các đương sự tiến hành mở thêm nhiều phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại các phiên hòa giải chỉ có mặt chị Á còn anh D đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được.

Ngày 12/3/2019 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh, chị được địa phương cung cấp: Chị Á và anh D là hai người khác địa phương kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2002. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, chị Á về ngay gia đình anh D làm ăn chung sống. Theo địa phương được biết thì vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2011 thì anh D đi xuất khẩu lao động tại Israrel, thời gian anh D đi xuất khẩu lao động tình cảm vợ chồng có bị dạn nứt, nghi ngờ lẫn nhau và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Á và anh D cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, đến khoảng năm 2015 chị Á lại đi xuất khẩu lao động tại Nhận Bản, đến khi chị Á đi xuất khẩu lao động về địa phương thì chị Á và anh D không chung sống với nhau nữa. Nay chị Á có đơn xin ly hôn với anh D và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị Á. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về ruộng canh tác: Giữa chị Á và anh D không có gì liên quan với nhau.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Lê Khắc K (là bố đẻ của anh D) để xác minh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh D được ông K cung cấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau như chị Á và anh D khai là đúng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau được hai bên gia đình gặp gỡ động viên, khuyên giải mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay chị Á xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, hạnh phúc gia đình không đạt được và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Quan điểm của ông không muốn vợ chồng chị Á và anh D phải ly hôn, ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị Á và anh D được về chung sống đoàn tụ nuôi dạy các con chung. Nếu chị Á vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh D ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung của vợ chồng: Ông xác định quá trình vợ chồng chị Á và anh D chung sống với nhau có 02 con chung là Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị Á. Quan điểm của ông nếu chị Á và anh D ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu H và cháu T.

+ Về tài sản chung; Công nợ: Ông không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về công sức: Ông xác định chị Á không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình ông.

+Về ruộng canh tác: Giữa chị Á và anh D không có gì liên quan với nhau.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Kim Động có gửi các văn bản tố tụng cho anh D thông qua gia đình ông, ông xác định gia đình ông đã nhận được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án. Gia đình ông đã giao tận tay và thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D nắm được để bố trí thời gian đến làm việc với Tòa án còn lý do anh D không đến làm việc với Tòa án thì ông không nắm được. Gia đình ông thông báo lại cho Tòa án nắm được để căn cứ vào tình hình thực tế giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2019 Toà án nhân dân huyện Kim Động đã mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án ly hôn giữa chị Á và anh D. Tại phiên toà chỉ có mặt chị Á còn anh D vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên toà và tiếp tục mở phiên toà xét xử vào ngày 17/5/2019.

Tại phiên toà hôm nay: Chị Á giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân nhau quá lâu, chị kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H đến tuổi thành niên, anh D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu

T đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử hoàn toàn hợp pháp, việc điều hành của hội đồng xét xử tại phiên tòa tuân thủ pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tuân thủ các quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị Á được ly hôn với anh Lê Khắc D (tên gọi khác Lê Văn D).

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho chị Á được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 đến tuổi thành niên, giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007 đến tuổi thành niên, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Á và anh D được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, bên kia không được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Á và anh Lê Khắc D là hai người khác địa phương có thời gian tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2002. Hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh D là do anh D có tính ghen tuông và nghi ngờ chị Á có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, còn anh D thì thường xuyên chơi bời cờ bạc không chịu tu chí làm ăn

và không quan tâm gì đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và kéo dài mặc dù đã được hai bên gia đình gặp gỡ động viên khuyên giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng tình cảm giữa hai anh, chị không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại và ngày càng căng thẳng, anh chị đã sống ly thân nhau quá lâu. Trong thời gian anh, chị sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm sâu sắc, tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, hạnh phúc gia đình không đạt được.

Sau khi chị Á có đơn xin ly hôn anh D gửi Toà án đề nghị giải quyết, anh D có quan điểm đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nuôi dạy các con chung, nhưng anh không đưa ra phương pháp hay biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con chung được trưởng thành. Theo đề nghị của anh D Tòa án tiếp tục triệu tập các đương sự tiến hành mở nhiều phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại các phiên hòa giải chỉ có mặt chị Á còn anh D đều vắng mặt không có lý do. Như vậy thể hiện anh D mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con chung, nhưng anh lại không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng thể hiện nhiều lần anh vắng mặt tại Tòa theo yêu cầu của Tòa án để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại các phiên hòa giải không thành này chị Á vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị sớm được ổn định cuộc sống, còn anh D vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị đã phát sinh và kéo dài, thời gian anh, chị sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau đã quá lâu. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên và khuyên giải nhưng tình cảm giữa hai anh, chị không được cải thiện. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh D đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần giải quyết cho anh, chị được ly hôn để anh, chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

* Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị Á. Quan điểm của chị Á nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H đến tuổi thành niên, giao anh D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T đến tuổi thành niên. Quan điểm của anh D cũng nhất trí với quan điểm của chị Á nếu vợ chồng ly hôn giao chị Á được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H đến tuổi thành niên, anh D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T đến tuổi thành niên. Mặt khác quan điểm của anh chị cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu T. Do vậy cần giao cho chị Á được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H đến tuổi thành niên, giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T đến tuổi thành niên là phù hợp.

**Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác:* Chị Á và anh D đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần được ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

**Án phí:* Chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Á được ly hôn anh Lê Khắc D (tên gọi khác Lê Văn D).

* Con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho chị Á được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Khắc H, sinh ngày 06/9/2003 đến tuổi thành niên, giao cho anh D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 23/4/2007 đến tuổi thành niên, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Á và anh D được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, bên kia không được ngăn cản.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí: Chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001528 ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị Á đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊNTOÀ

Nguyễn Tiến Lũng